

---

# STUDY SKILLS

---



## *PHƯƠNG PHÁP HỌC TIẾNG ANH*

*Nguyễn Quốc Hùng, M.A.*

# VAI TRÒ NGOẠI NGỮ

- ◆ Tiếng Anh đưa vào bậc tiểu học
- ◆ Ngoại ngữ trở thành một tiêu chuẩn: xin việc, vào biên chế, nâng bậc, đề bạt
- ◆ Học vị. Học hàm: tiếng Anh
- ◆ Một sinh viên, một nhà khoa học không thể chỉ đọc sách tiếng Việt, chỉ nói tiếng Việt
- ◆ Một số môn khoa học dạy bằng tiếng Anh

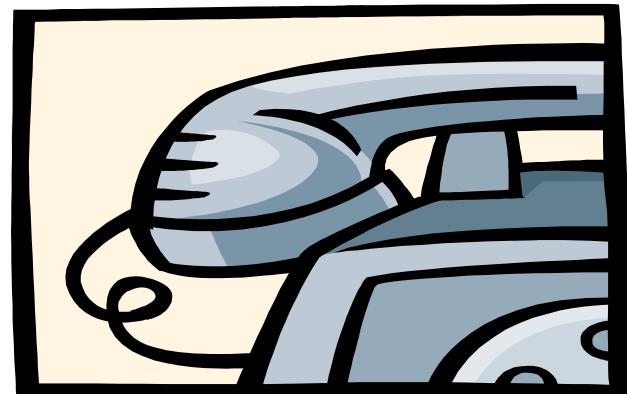
# HỌC NGOẠI NGỮ

- ◆ Không cần năng khiếu
- ◆ Cần học đều đặn, không tập trung nhiều rồi bỏ lãng đi
- ◆ Cần phương pháp học: nghe, nói, đọc, viết, sử dụng từ điển & thư viện
- ◆ Cần tận dụng các phương tiện: môi trường bản ngữ (audio, video, computer, internet)

# HỌC NGHE (LISTENING)

## Định hướng sai

- ◆ Nghe tiếng Anh theo kiểu người Việt nghe tiếng Việt. Nghe cho ra từng từ.
- ◆ Người Anh nói thế nào?
- ◆ Đặc thù tiếng Anh nói?



# HỌC NGHE

## *Đặc thù tiếng Anh nói*

- ◆ Người Anh nói nhanh? Ba tốc độ: chậm (slow), bình thường (normal), nhanh (fast)

Ví dụ

*UK businesses continue to be high visible in Vietnam* (slow), (normal)

*Why don't you buy it? I just admire it.* (fast)

# HỌC NGHE

## *Trọng âm từ (Word Stress)*

- ◆ Mỗi từ tiếng Anh đều có một trọng âm

Một âm tiết: *stay, short, pen*

Hai âm tiết: *'happy, 'during  
re'cord, in'vest*

Ba âm tiết: *'industry, a'nother*

Bốn âm tiết: *e'conomy, deli'gation*

Trên 4 âm tiết: *,moderni'sation*

# HỌC NGHE

## *Luyện âm (Sound Linking)*

Nếu không nghe được luyện âm, không nhận diện được từ.

*Those \_are\_ my two sons, Tim \_and\_ Tom.*

*The window ledge \_is\_ moving.*

*We \_are\_ in the forest \_in\_ the morning.*

*He's \_over\_ there!*

# HỌC NGHE

## *Trọng âm câu (Sentence Stress)*

- ◆ Đánh điện tín
- ◆ Trong một câu chỉ có từ quan trọng được nhấn mạnh

*I like to walk to the office when the weather is good*

*I like to walk to the office when the weather is good*

*I like to walk to the office when the weather is good*

Vậy khi nghe tiếng Anh chỉ cần nghe trọng âm.



# HỌC NGHE

## Hiểu nghĩa qua trọng âm câu

### Bài tập: Nghe và bắt trọng âm.

*late ... meeting* (chậm, họp)

◆ *rainy...windy...today* (mưa, gió, hôm nay)

◆ *want...fry...eggs* (muốn, rán, trứng)

◆ *he...home...late...every day* (anh ta, nhà, muộn, mỗi ngày)

*Học nghe phải đúng phương pháp và kiên trì.*

# HỌC NÓI (SPEAKING)

- ◆ Tập nói theo kiểu người Anh nói (từ, câu).

Ví dụ: *My 'parents are 'farmers. They 'work in the 'field 'every 'day.*

- ◆ Không sợ mắc lỗi. Lỗi là quy trình phát triển ngôn ngữ tự nhiên

- ◆ Thực hiện *small talk* hàng ngày



# HỌC NÓI : SIMPLIFICATION

## ĐƠN GIẢN HOÁ

- ◆ Nói đơn giản: dùng mẫu câu đơn. Chia nhỏ những ý phức tạp để nói đơn giản

Ví dụ: Yesterday I went to see my parents living in the country with my brother and sister who are very young.

*Yesterday I went to see my parents. They live in the country. My brother and sister live with them. They are very young.*

# HỌC NÓI : MESSAGE REDUCTION

## *GIẢM THIỂU THÔNG ĐIỆN*

- ◆ Không nói những ý phức tạp
- ◆ Không nói văn hoa sáo rỗng: diễn đạt trực tiếp vào ý định nói
- ◆ Giảm bớt độ dài của thông điệp
- ◆ Tránh sử dụng hàm ý



# HỌC NÓI: TOPIC AVOIDANCE

## *NÉ TRÁNH CHỦ ĐỀ PHỨC TẠP*

- ◆ Những chủ đề thể hiện tình cảm một cách phức tạp
- ◆ Những chủ đề mang tính tranh luận
- ◆ Những chủ đề thể hiện quan điểm:  
quan điểm sống, quan điểm tình yêu,  
tình bạn...



# HỌC TỪ VỰNG

## CHƯƠNG TRÌNH CHỈNH KHOÁ

- ◆ Các bậc từ trong tiếng Anh:  
400, 700, 1000, 1400, 1800, 2500. (Oxford)
- ◆ Liên tưởng từ trong văn cảnh: (Free Time)
- ◆ Đoán từ trong văn cảnh
- ◆ *When bwana comes...*

*Everybody stands up saying, “Hello”.*

*He waves his hand, “Good morning, students”*

# HỌC TỪ VỰNG

## LOẠI HÌNH NGOÀI CHÍNH KHOÁ

- ◆ Đọc chuyện (VOV: Học tiếng Anh qua các câu chuyện kể)
- ◆ Học hát (Sing to Learn): Nghe và chép
- ◆ Games & Quiz  
(Scrabble, Crosswords)
- ◆ Xem TV nói tiếng Anh



# HỌC ĐỌC (READING)

## Định hướng sai

- ◆ Đọc từng từ, từng câu và dịch ra tiếng Việt để hiểu.
- ◆ Đọc lan man, không biết cách ghi chép
- ◆ Không phân biệt các loại đọc khác nhau: đọc để học (read for learning), đọc để giải trí (read for pleasure)
- ◆ Lười đọc sách, chỉ nghe giảng và học theo bài ghi



# HỌC ĐỌC

## CÁC MỤC ĐÍCH ĐỌC

*Reading for survival:* đọc ký hiệu, biểu bảng  
(signs: stop, exit, gents)

*Reading for learning:* đọc để lấy những kiến thức mới, đọc để mở rộng bài học, đọc để thi...

*Reading for pleasure:* truyện ngắn, tiểu thuyết, thơ, các loại hình nghệ thuật khác

# HỌC ĐỌC

## ĐỌC LẤY THÔNG TIN CHÍNH

### Read for Gist

- ◆ Đọc một lượt từ đầu đến cuối: chủ đề của toàn bài
- ◆ Đọc từng đoạn: tìm câu chủ đề
- ◆ Đọc vào nội dung từ đoạn để lấy thông tin về chủ đề của đoạn
- ◆ Ghi chép

# HỌC ĐỌC ĐỌC LẤY THÔNG TIN HỖ TRỢ

## Read for Supporting Details

- ◆ Xác định thông tin chính từng đoạn.
- ◆ Thông tin nào hỗ trợ cho thông tin chính: minh họa, phân tích, mở rộng
- ◆ Ghi chép

*Cùng một lúc đọc lấy thông tin chính và thông tin hỗ trợ chính là đọc chi tiết (Listen for everything)*

# HỌC ĐỌC ĐỌC LẤY THÔNG TIN CẦN ĐẾN

## Read for Wanted Information

- ◆ Đọc một lượt từ đầu đến cuối một lần
- ◆ Đọc lại từ đầu với tốc độ chậm hơn. Dừng ở những chỗ có thông tin mình đang tìm kiếm
- ◆ Đọc kỹ đoạn có thông tin đó. Ghi chép

# HỌC VIẾT

## Định hướng sai

- ◆ Đưa ra những ý tưởng phức tạp
- ◆ Tìm cách viết văn hoa
- ◆ Viết bằng tiếng Việt rồi dịch sang tiếng Anh

*Hãy viết đơn giản: ý tưởng đơn giản,  
câu đơn*

# HỌC VIẾT VIẾT GÌ?

- ◆ Viết thư cho bạn bè (Informal letters)
- ◆ Viết đơn, bản khai (Formal letters)
- ◆ Bưu thiếp (Postcards)
- ◆ Viết tóm tắt bài đọc (Summary)
- ◆ Viết báo cáo khoa học (hội nghị, chuyên đề)  
(Report & Presentation)
- ◆ Viết luận văn (Essay & Dissertation)

# VIẾT TIỂU LUẬN (ESSAY)

- ◆ INTRODUCTION (Phần mở đầu)
  1. Có cần phải định nghĩa thuật ngữ nào trong tiêu đề không?
  2. Tại sao chủ đề ta sắp viết lại quan trọng?
  3. Làm thế nào để hạn chế bớt ý kiến tranh luận?
  4. Có thể chia bài viết thành những phần nhỏ được không?

# VIẾT TIỂU LUẬN (ESSAY)

## ◆ THE MAIN BODY

1. Bắt đầu bằng một câu thông báo vấn đề sẽ được trình bày.
2. Công bố những cứ liệu đã thu thập được một cách chi tiết.
3. Kết thúc từng vấn đề bằng một ví dụ minh họa.



# VIẾT TIỂU LUẬN (ESSAY)

- ◆ THE CONCLUSION

Tương lai của vấn đề hoặc ảnh hưởng của vấn đề vừa trình bày đối với các bình diện có liên quan, hoặc làm thế nào để cải thiện vấn đề vừa trình bày.

# VIẾT TÓM TẮT (SUMMARISING)

- ◆ Ba loại tóm tắt:
  1. Tóm tắt một văn bản trong một hai câu (dùng đưa vào phần abstract)
  2. Ghi lại toàn bộ nội dung của một văn bản (tổng lược: global summarising)
  3. Tóm tắt thông tin mình cần đến (selective summarising)

# VIẾT TÓM TẮT (SUMMARISING)

## Bốn bước tiến hành một tóm tắt

1. Skimming: ấn tượng về nội dung
2. Đọc lấy ý chính (main ideas)
3. Gấp văn bản lại, tự mình viết tóm tắt.
4. Công bố ý chính + ý hỗ trợ quan trọng nhất.  
Công bố những quan điểm có liên quan (nếu có)

# TRA TỪ ĐIỂN

## Định hướng sai

- ◆ Một từ tiếng Anh sẽ có một từ tiếng Việt tương đương
- ◆ Tra từ điển từ mới để dịch bài đọc
- ◆ Chưa biết kỹ thuật tra nên chậm và khó tìm nghĩa thích hợp

# KỸ THUẬT TRA TỪ ĐIỂN

- ◆ Vị trí của vần (từ): đầu, giữa, cuối. (Cỡ tay)
- ◆ Dùng *entry* trên góc trái và phải để tìm đến từ cần tra. Ví dụ *double*
- ◆ Từ xếp theo vần ABC: *dam-damn-daring-dark-date-datebook-dazzle-d.b.a.-deal ...*
- ◆ Entry ABC: *de-deacon-deactivate-dead-...*
- ◆ Nắm vững cấu tạo của một *entry*

# CẤU TẠO MỤC TỪ

## *ENTRY*

Các tiêu đề

■ noun

■ adv.

■ verb

■ det.

■ adj.

**IDM**

(IDIOM)

**PHRV**

(PHRASAL VERB)



---

# STEPS TO GO

## *CÁC BƯỚC TRA TỪ ĐIỂN*

---

1. Từ cần tra thuộc từ loại nào?
2. Nghĩa đang tìm thuộc nhóm nghĩa nào?
3. Trong nhóm nghĩa đó thì nghĩa số mấy là thích hợp?
4. Từ cần tra có nằm trong IDM hay PHRV không?

# TÌM NGHĨA

## *LOOK FOR APPROPRIATE MEANING*

Ví dụ tra từ *double*, tính từ

double /      /

■ adj.

TWICE AS MUCH/MANY (1) (nhiều gấp hai lần)

WITH TWO PARTS (2) (có hai bộ phận)

FOR TWO PEOPLE (3) (dùng cho hai người)

COMBINING TWO THINGS (4) (kết hợp hai yếu tố)



# TÌM NGHĨA

## *CHOICE OF MEANING*

- ◆ Giả sử bạn cần đến nghĩa số 3: *for two people*. Hãy xem phần giải thích và ví dụ minh họa

FOR TWO PEOPLE 3. made for two people or things: *a double bed/room*

Nếu từ đó nằm trong một thành ngữ, hãy tra IDM

**IDM** *at the double? on the double? double or quits? double or nothing?*

# A LESSON MỘT BUỔI HỌC

## *Định hướng sai*

Một buổi học là một Unit hoặc một phần của Unit

Tập trung quá nhiều vào ngữ pháp. Ứng dụng?

Tìm hiểu quá nhiều vào từ mới. Sử dụng?

Cố làm hết các bài tập trong sách

Dịch

# CLASS WORK

## *SINH VIÊN LÀM GÌ TRÊN LỚP?*

### **Bốn thành tố cần được phát huy trên lớp**

1. Luyện phát âm (Pronunciation Practice)
2. Luyện nói, nghe, đọc, viết (Skills Practice)
3. Xem video (Audio-Visual Assistance):  
Language & Culture
4. Hướng dẫn đọc chuyện (Guide to Reading)



# English KnowHow



*know-how* = kiến thức và kỹ năng sử dụng  
trong một lĩnh vực nào đó

*know how* = biết cách và có khả năng làm được  
việc gì đó

Vậy giáo trình *English KnowHow* giúp chúng  
ta năng lực sử dụng ngôn ngữ về cả 4 kỹ năng

# EKH: THÀNH TỐ

- ◆ Language focus
- ◆ In Conversation
- ◆ Focus on Grammar
- ◆ Vocabulary
- ◆ Language in Action
- ◆ Pronunciation Focus



- 
1. LIFETIME. *Tom Hutchinson*
  2. ENGLISH CHANNEL. *P. Viney*
- 

## Cấu tạo chương trình

- ◆ Ba trình độ:

Sơ cấp (Elementary level)

Tiền trung cấp (Pre-Intermediate level)

Trung cấp (Intermediate level)

- ◆ Dành cho lứa tuổi học sinh, sinh viên (young adults & adults)

- 
- 
- 1. LIFETIME. *Tom Hutchinson*
  - 2. ENGLISH CHANNEL. *P. Viney*
- 

### Đưa thực tế cuộc sống (Anh) vào lớp học

- ◆ Tạo điều kiện cho sinh viên hiểu biết về nền văn hoá Anh (phong cách giao tiếp, tập quán, xử thế, v.v.). Tránh được ‘sốc văn hoá’
- ◆ Luyện tiếng Anh trong môi trường bản ngữ
- ◆ Gây hứng thú trong học tập
- ◆ Hỗ trợ khả năng hiểu lời nói

- 
1. LIFETIME. *Tom Hutchinson*
  2. ENGLISH CHANNEL. *P. Viney*
- 

## Hoạt động với video (Activities)

- ◆ Miêu tả (Description)
- ◆ Phán đoán (Prediction)
- ◆ Kể chuyện (Re-telling)
- ◆ Bình luận (Comments)
- ◆ Tranh luận (Argument)

